

BẢN LUẬN QUYỂN 8

Năm môn trong địa, bốn môn trước đã nói xong.

Từ đây trở xuống là môn thứ năm. Trong tạp nhiệm v.v... khởi, được chia làm hai: Trước, nói về ba tạp nhiệm; sau, nói về việc cắt đứt ba tạp-nhiễm, tu sáu hiện thị.

Trong phần trước lại có hai:

a) Chia ra ba chương: Ba thứ tạp nhiệm: Nghiệp phiền não sinh.

b) Dựa vào chương để giải thích.

Trước hết trong phiền não trước nêu chín môn, kể là dựa vào môn để giải thích:

Tự tánh: Nghĩa là thể của phiền não. Đối Pháp quyển sáu chép: “Không vắng lặng là cộng tướng của các phiền não”. Ở đây nói Tự là khổ của mỗi pháp với tướng không vắng lặng, đối với không phải phiền não, gọi là Tự tánh

Tướng kia do phiền não bủa khắp, nên gọi là cộng tướng. Nghĩa so sánh riêng, cũng không trái với nhau. Hành tướng không vắng lặng, biến đổi nối tiếp.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trước kia là hiện hành, ở đây là hạt giống.”

Nay giải thích: “Chính vì phiền não khởi; nên chuyển biến đối với nghiệp ác nối tiếp”, là luận kia giải thích. Do phiền não này sinh, nên thân, tâm nối nhau chuyển biến không vắng lặng, là tướng phiền não. Phiền não này có sáu, đó là tán loạn điên đảo, trạo cử, hôn trầm, phóng dật, vô sỉ và tánh không vắng lặng.

Trong bảy tùy miên, tham được chia ra hai môn, các tùy miên còn lại đều là một thứ hợp thành bảy.

Theo luận Đối Pháp, người chưa lìa dục v.v..., do hai đối tượng tùy tăng dục ái, sân nhuế dựa vào dục để mong cầu hai tăng trưởng môn; người chưa lìa dục có cầu, có ái tùy tăng. Người chưa lìa phạm hạnh tà, cầu, do mạn, vô minh, kiến, nghi, tùy- tăng. Các tùy tăng đó được một ít đối-trị, thì sinh ra kêu mạn, ngu mê thánh đế, chấp tà giải thoát phương tiện. Ở trong pháp Phật vẫn còn do-dự nghi ngờ. Tuy theo thứ lớp của chúng, bốn đối tượng tùy tăng, tà giải thoát, kiến thủ. Phương tiện giải thoát, bốn kiến còn lại. Những thứ khác đều do môn của mình.

Vì nghĩa này, nên tham được chia làm hai môn.

Luận sư Bị nói: “Ái của hai cõi trên hoàn toàn “duyên” nội tại, vì có thân nên nói là có tham.

Trong tám thứ ngoài kiến, lìa hai thủ, vì thủ, và kiến khác nhau. Lìa hai thủ, nghĩa là vì kiến và giới khác nhau.

Chín kiết: 89 thuyết dựa vào chín sự sinh, (nói rộng như thuyết kia).

Ba thứ khổ, tật, san chỉ là hệ cõi Dục, chung cho cả kiến đoạn, tu đoạn. Sáu thứ còn lại chung cả ba cõi.

Đối-Pháp chép: “Kiết ái, nghĩa là hai môn kiến thủ, như tham v.v... của ba cõi là nặng, vì khác nhau, nên đối tượng chấp riêng. Vì thế, đều nói riêng.

Ganh tị đối với sự vinh hiển của người khác, không tôn trọng chánh pháp, keo kiệt về công cụ giúp đỡ, không vâng theo nẻo xa lìa, đó là những lỗi đặc biệt rất riêng, nên đặt tên kiết.

Nói mỗi loại khổ với Tập, Diệt, Đạo trong mười hai đế, vì nhân quả hữu lậu và vô lậu khác nhau. Quả biến trí (trí khắp) của tầng thượng cõi Dục. Biến trí đó đã làm sáng tỏ cả Diệt-Đế, Đạo-Đế. Luận sư Cảnh giải thích: “Vì nhầm chán Khổ, Tập nên cầu Diệt, Đạo. Cho nên Khổ, Tập và Diệt, Đạo kia là duyên tăng-thượng, là nhân quán đãi trong mười nhân. Cũng có thể Diệt, Đạo vượt hơn Khổ, Tập, gọi là tăng-thượng. Quả-trí là Diệt Đế, Biến-Trí là Đạo-Đế. Do trí duyên khắp là liễu nhân biểu thị rõ chứng Diệt -Đế tức là trí vô phân biệt. Duyên khắp, lý đầy, dứt hoặc, được diệt, nên nói là quả của Biến trí kia. Đây là nói theo thật. Nếu nói theo tướng thì do Biến Trí, Khổ Trí, đoạn hoặc, được diệt, gọi là quả của Biến Trí, cho nên nói là quả Biến trí kia.”

“Quả Biến trí kia được hiển bày”trở xuống, là nêu ra đối tượng hiển bày là Diệt-Đế, Đạo-Đế.

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Biến trí được hiển bày tức khổ của Đạo-Đế, vì tự Biến- trí hiển hiện là Đạo.”

Tăng-thượng của cõi Dục: Nghĩa là đã có nghĩa nhân, gọi là tăng-thượng, tức do đã khởi sự tu nhân mà được, nên gọi là tăng-thượng, khổ tức Diệt-Đế, hoặc là nghĩa quả đã có gọi là tăng-thượng. Nghĩa là tức vì Đạo Đế có quả Diệt. Một tăng-thượng, là nói xuyên suốt quả Diệt kia và quả đó được hiển lộ.

Nay, trong văn này, bốn đế của cõi Dục dưới, mỗi Đế đều có mười sử, tu đạo có sáu. Bốn đế của hai cõi trên, cõi dưới trừ sân, mỗi Đế đều có chín. Tu đạo cõi dưới, trừ sân, có năm. Luận Đối Pháp cũng đồng với luận này.

Quyết Trạch Phần nói: “Khổ cõi Dục ở dưới, có mười sử. Ba đế khác cõi dưới, trừ thân-kiến, biên-kiến, mỗi Đế có tám. Vì hai cõi trên

trừ sân, nên khổ cõi dưới có chín. Ba Đế khác cõi dưới, mỗi Đế đều có bảy.”

Thành Duy-Thức nói: “Khổ, Tập là nhân y xứ của sử kia; Diệt, Đạo là bổ úy xứ của sử kia, nên nói rằng bốn Đế đều có mười sử. Riêng không, phi ngã vì thuộc về khổ Đế, nên ba Đế còn lại, mỗi Đế đều có tám; khổ Đế đủ mười sử.”

Hoặc có giải thích “riêng”: Bốn Đế mỗi Đế đều có mười. Chẳng phải mỗi hành tướng đều mê chướng Đế riêng, mà chỉ khi nào phiền não nảy sinh, là đều có chủ thể mê (năng mê), chủ thể chướng (che lấp) Đế lý, cho nên, y theo hành nghiệp chung mà nói là mỗi phiền não đều mê bốn Đế, không phải thân kiến, biên-kiến mê riêng ba Đế còn lại, vì hành nghiệp khó biết.

Hoặc thân kiến, biên kiến vừa nghe nói Diệt, Đạo là cảm thấy sợ hãi, vì e rằng “ngã” sẽ bị đứt đoạn, nên gọi là mê Diệt, Đạo. Về lý, thật ra chỉ “duyên”Khổ đế, Tập-Đế khởi. Nói chung mê bốn Đế lý, thật ra không phải ba Đế đều có đủ mười hành tướng. Như Duy Thức Sớ chép: “Như mê chấp, chướng ngại cũng thế, Nghĩa là phiền não vừa gọi là mê chấp, vừa gọi là chướng ngại thể một nghĩa khác của khổ.

Tát-Ca-Gia kiến (thân kiến). Luận sư Cảnh nói: “Gọi là thân kiến, vì duyên thân khởi kiến, nên gọi là thân kiến. Từ cảnh được tên, cũng gọi là ngã kiến. Hạnh giải là mục, như Chánh Lượng Bộ gọi là thân-kiến nguy, vì chấp thân giả dối không thật. Sư Tỳ-Bà-Sa nước Ca-thấp-Di-la gọi là có thân kiến vì đối tượng duyên thân là hữu lậu kia. Nếu gọi riêng thân-kiến luống dối thì sẽ mất đi nghĩa có, nếu nói là có thân kiến thì sẽ mất đi nghĩa giả dối.

Dục ở hai nghĩa, gọi là Tát-Ca-da tên Tát-Ca-da có hai nghĩa. Do gần gũi đẳng khởi, thấy “duyên”xa, không tác ý như lý, nghĩa là khởi phân biệt kiến, duyên và tự nhiên (nhậm vận) khởi kiến duyên “câu sinh”. Đẳng tùy theo quán chấp, nghĩa là nói về hành tướng của kiến. Cũng nói: “Hai ngã kiến này bình đẳng tùy theo cảnh mà quán, vì chấp năm uẩn, nên gọi là Đẳng-Tùy.”

Luận sư Bị nói: “Theo những uẩn nào trong năm uẩn để chấp là thật ngã, nên nói là Đẳng-Tùy?”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hoặc tư, hoặc cộng trong năm uẩn, quán sát một cách bình đẳng. Tùy đối tượng quán (sở quán) đó mà chấp, cho là ngã kiến.

Trong biên kiến, hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt, Duy-Thức quyển sáu có hai thuyết:

1/ “Chỉ Đoạn- kiến chung cho hai môn này”.

2/ “Cũng là Thường -kiến (dẫn giáo và lý như thuyết kia nói).

Trong Kiến-thủ do Tát-Ca-da kiến, Biên chấp kiến v.v... ở đây nói cảnh đối tượng của kiến-thủ. Sở y, là căn; Sở duyên là cảnh; sở nhân là hạt giống. Chấp chung là vượt hơn. Và hai nghĩa “năng tịnh” đầy đủ, mới gọi là hành tướng của kiến-thủ. Giới-thủ cũng . Đối tượng chấp (sở chấp) của kiến, vì giới có khác nhau, nên chia thành hai thủ.

Kiến-thủ trong đây chỉ nói là vượt hơn, không nói là tịnh. Giới-thủ chỉ nói “năng tịnh”(chủ thể tịnh) giải thoát, không nói là vượt hơn. Duy-Thức hội cho rằng: “Là nói ảnh lược; hoặc môn tùy-chuyển. Nếu không thế thì sao lại chẳng phải Diệt, chấp là Diệt; chẳng phải Đạo, chấp là Đạo, rồi nói là tà-kiến, chứ chẳng thuộc về hai thủ.

Là đệ nhất mâu nhiệm trên hết: Vì chấp pháp của ba cõi được phân biệt như thứ lớp, nên, trong giới-thủ, tức dựa vào kiến kia, tùy hành của kiến ấy.

Luận sư Cảnh nói: “Tức kiến giới cấm thủ kia, đối tượng duyên (sở duyên) của kiến kia gọi là tùy hành, kiến này cũng chấp lấy các kiến. Nhưng vì phần nhiều “duyên” vào các giới cấm, nên gọi là giới cấm thủ. Có khác gì với giới cấm? Như đối tượng thọ (sở thọ) của pháp Phật, gọi là giới; đối tượng mà ngoại đạo lãnh thọ, gọi là cấm, hoặc căn bản, gọi là giới, phương tiện, gọi là cấm. Hoặc về tánh giới, gọi là giới; giá giới gọi là cấm.

Luận sư Bi nói: “Ngừa quấy gọi là Giới; ngăn cấm việc ác gọi là Cấm. Về nghĩa thì khác, mà thể thì một.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Do các giới-thủ dựa vào kiến- thủ ở trước, vọng chấp giới cấm là vượt hơn, vì năng tịnh, nên nói là dựa vào kiến thủ kia. Ý nghĩa là nương tựa), chứ không phải chấp kiến thủ kia là giới thủ. Chấp thuận theo giới cấm mà kiến thủ kia đã thọ tương ưng với uẩn v.v... là vượt hơn, vì chủ thể tịnh (năng tịnh), cho nên nói là tùy hành của kiến kia. Hoặc dựa vào kiến-thủ kia tức khổ của kiến trước, tùy hành của kiến đó thì tương ưng với kiến. (Chữ “ư” ở đây nghĩa là nương tựa). Dựa vào kiến và giới cấm mà tùy hành đã thọ, rồi cho đó là vượt hơn, là tịnh, gọi là Giới cấm thủ.”

Là thanh tịnh; là giải thoát; là xuất ly, chấp pháp ba cõi, như thứ lớp là giới thủ; như thứ lớp là nhân ra khỏi ba cõi.

Cao, thấp, hơn, kém đối với ngoại và nội trong mạn: Luận sư Cảnh nói: “Nội là trong thân; ngoại là “duyên” nuôi giúp đời. Vừa mới so sánh v.v... với người khác, cũng khởi tự cao, gọi là mạn.”

Luận sư Bị lại giải thích: “Có gì khác nhau trong sự cao, thấp, hơn, kém đâu? Cho rằng cao với thấp là nói so với người khác, còn hơn và kém là y cứ vào mình mà nói. Nói về thể thì không khác.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thấp hơn người ngoài là ty mạn, cao hơn người ngoài là mạn, quá-mạn, mạn quá-mạn.

Tăng thượng mạn, tà mạn, ngã mạn không “duyên” ngoại.

Về sau vượt hơn bên trong: là sáu mạn:

Chấp ngã cao cử, không có đức mà cho là có; có ít đức cho là nhiều, v.v..., đều là sự vượt hơn bên trong.

Một thứ ty mạn, gọi là trong kém, không bằng người.

Trong nghi chỉ dùng phân biệt giác khác làm thể. Duy-Thức đưa ra hai thuyết:

1/ “Thể của nghi tức là tuệ, cũng do dự, phân biệt, nên nói là nghi.”

Tỳ-Trợ-Mạt-Để nghĩa là nghi. Mạt-để nghĩa là Bát-Nhã, vì không có khác.”

2/ “Không đúng! Vì nghi có tự tánh riêng, làm cho tuệ không quyết định, chứ không phải tức tuệ.”

Du-già nói: “Thấy thể tục có trong sáu phiền não, tức là tuệ phần. Phiền não khác là thật có, vì có tánh riêng. Tỳ-Trợ-Mạt-Để chấp tuệ là nghi. Tỳ-Trợ-Nhã-Nam-trí lẽ ra là thức. Giới do nghĩa sức giúp đỡ, cho nên chuyển biến, cho nên nghi này chẳng phải tuệ là thể.”

Luận sư Cảnh nói: “Nghi phân biệt giác khác làm thể, nghĩa là nghi cũng mong cầu, tìm kiếm, gọi là chung là giác. Vì phân biệt với tuệ, nên nói là giác khác. Cũng có thể nghi có hai giải thích, không một quyết định, nên gọi là giác khác:

1/ Do hạt giống theo đuổi.

2/ Do sự tăng thượng kia.”

Luận sư Cảnh nói:

“1) Do tùy chuyển hành của hạt giống, gọi là “tùy”, không khởi, thì gọi “miên”.

2) Dùng sự của hạt giống kia tăng-thượng, gọi là tăng-thượng-sự.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Do hạt giống của “hoặc” phát nghiệp, nhuận sinh, vì chiêu cảm của nhiều đời, nên gọi là vì sự tăng-thượng của hạt giống kia.”

Lại, do tất cả phiền não của bảy môn làm chướng ngại kiến đạo và tu đạo, nghĩa là sáu môn trước che lấp kiến đạo; một môn sau, chướng

ngại tu đạo.

Quyển năm mươi chín chép: “Thân, biên, tà-kiến, gọi là sự lãnh hội tà vậy, vì mê đối với Bốn đế, nên vô minh gọi là không hiểu rõ. Nghi là hiểu rõ mà không hiểu rõ.

Hai thủ và tham, sân, mạn được kiến đạo dứt trừ: Tất cả đều là tà liễu, mê chấp.

Từ trên đến đây, bốn môn gồm chung tất cả kiến dứt hoặc hết. Những thứ này mê Khổ đế, Tập đế, là mê nhân y xứ hành của Đế kia; mê Diệt, Đạo, nghĩa là mê bố úy sinh hành theo Đế kia.

Nếu do tu dứt trừ phiền não, thì gọi là nhậm vận hiện hành, mạnh mẽ bắt kịp trong phiền não thượng phẩm.

Tướng rất nặng: Tức xưa nói nhay bén và siêng năng. Nghĩa là “duyên” theo ruộng tôn trọng: Khởi từ chỗ cha, mẹ. Hoặc duyên ruộng công đức, nghĩa là đối cảnh Tam-Bảo mà khởi. Nếu “duyên” ruộng bất ưng hành mà khởi, thì đối với người giữ giới và người có đức.

Rốt ráo. Nghĩa là trong bảy đảo đối tượng, mà trước hết, là Thánh-Đạo rốt ráo bị hại:

Tướng đảo, tức đối với bốn cảnh, đối tượng khởi lên, số tướng của vọng-tướng là thể.

Quyển năm mươi ba chép: “Rằng các kẻ ngu không hiểu biết, đuổi theo vô-minh, khởi tác-ý phi lý. Đối với cảnh sở duyên (đối tượng duyên) như vô-thường, v.v..., chấp là thường, v.v..., nhận lấy tướng mà chuyển biến, đây gọi là tướng đảo, cho nên lấy tướng làm thể.

Kiến-đảo, tức do chấp nhận dục lạc trong cảnh vọng-tướng, kiến lập chấp trước ba kiến:

Phần ít là tánh: Nghĩa là Thân-kiến, Thường-kiến, kiến, giới thủ, như văn tự nói.

Tâm đảo; tức do trừ các kiến trước, phiền não như tham v.v... còn lại làm tánh, vì làm nhiễm não tâm, nên gọi là tâm đảo.

Nói tâm đảo ở đây, là đối với các phiền não như tham, v.v... Trong đối tượng chấp vướng mắc kia.”

Có thuyết nói: “Thể của tâm đảo chỉ là vì tâm tham, nhiễm vượt hơn.

Nói tham v.v... chữ “vân vân” có hai thứ:

1/ Hưởng ngoại, v.v...

2/ Hưởng nội, v.v...

Nay nói tham, v.v... là tham có số nhiều. Tận là tâm đảo, tức hưởng đến đẳng nội.

Quyển năm mươi ba: “Các người tại gia hay phát tâm đảo; một phần người xuất gia hay phát kiến đảo. Thể của tướng không phải đảo, do vọng chấp lấy tướng để làm môn chung. Tại gia, xuất gia dựa vào môn đó mới khởi lên tâm đảo, kiến đảo, cho nên, gọi là đảo.

Luận giải-thích về căn-bản, tự thể, đẳng lưu. Phân-tích, giải-thích, về thể của hai đảo kiến, tâm. Thể của tướng vì chẳng phải đảo, nên không giải thích lại.

Luận Câu-Xá nói về tự-thể của bốn điền- đảo, nghĩa là từ nơi ba kiến, chỉ vì điền đảo tìm kiếm gia tăng, nên tâm tướng tùy thuộc vào sức của kiến.

Thuyết kia nói thường-kiến là thường-đảo. Chấp tịnh, chấp lạc đều là kiến-thủ. Có ngã-kiến là ngã-đảo, phải có đủ ba nhân mới thành đảo:

1) Vì một bề đảo, phân biệt với giới cấm-thủ, vì duyên một ít tịnh.

2) Vì tánh tìm kiếm, so lường, nên phân biệt tánh phi kiến.

3) Vì vọng tăng thêm, nên phân biệt đoạn kiến, tà kiến chứ không phải vọng tăng, vì không có môn chuyển biến. Thọ v.v... còn lại chẳng phải là cực thành của thế gian.

Thế gian chỉ nói tâm, kiến đảo của tướng, không nói tham, v.v..., nên những thứ khác không phải đảo.

Nay, ở đây thì không đúng. 1) Đảo y. 2) Đảo thể, đối tượng nương tựa (sở y) của tướng vượt hơn, thọ v.v... chẳng phải đảo. Người tại gia thì tâm rối loạn do phiền não. Hoặc đa số đều do tham, nên khó có thể giải thoát. Vì cho nên nói tất cả hoặc tham là đảo, trong khổ đảo, chỉ chia ra tâm và kiến.

Luận Hiển Dương nói: “Do bốn nhân duyên khởi bốn điền đảo, nên nhân duyên khác chẳng phải đảo”.

Trong luận này tâm đảo “duyên” chung bốn tham, vẫn dưới đây chỉ nói tham chung cho cả hai thứ, không nói thường, ngã, cũng khởi tham, vì từ vượt hơn mà nói. Vì ngã, thường kiến đều có tham, nên các căn đều nói bốn cảnh, vì tham gọi là tâm đảo. Thế gian phần nhiều khởi khắp về lạc, tịnh, không phải thật chỉ có hai. Nếu không thế, thì sao tham v.v... trong bốn đảo kiến đã chấp ở trước là tánh? Kiến-thủ là bất tịnh, tịnh đảo, giới thủ là đối với đảo khổ, vui. Nghĩa là tùy đối tượng thích ứng kiến “duyên”, “duyên” giới và pháp tương ưng là vượt hơn vì “năng tịnh”, là hai thủ. Nếu không thế, thì trở thành thuộc về tà kiến. Ba thứ tâm, tướng, kiến đều chung cả bốn thứ, bốn không có tự thể

riêng.”

Hỏi: “Bốn đảo này được đối trị đoạn nào?”

Luận sư Bị nói: “Thường, ngã chung cho kiến trong tu đoạn; Lạc, tịnh hoàn toàn do kiến-đạo dứt trừ. Hai đảo của tâm, tướng kia tùy thích ứng, chung cho cả hai.”

Hỏi: “Tham, chung cả năm bộ, luận gọi là tâm đảo ở bộ nào?”

Ngài Tam-Tạng nói: “Chung cho cả năm bộ, mà không phải tham của năm thức gọi là tâm đảo, vì do hiện-lượng.”

Lại giải thích: “Do thấy khổ mà dứt.”

Ngài Tam-Tạng cũng nói: “Hai kiến thân, biên đều cùng sinh (câu sinh), đều cùng tham, cũng gọi là lạc đảo, cũng gọi là tịnh đảo.

Phiền não sai khác, vẫn có ba:

1/ Bày ra hai mươi sáu môn phiền não.

2/ Giải thích danh, nghĩa.

3/ Phát ra thể, tướng.

Luận Đối Pháp chỉ có hai mươi bốn môn đều là thiện căn và lửa, trong đây thêm hai thành 26, trong số đó, 15 môn chỉ nói theo tham, sân, si.

Mười một Môn còn lại nói về sự khác nhau phiền não. Của đối tượng đeo đuổi của hạt giống tăng-thượng, gọi là tùy-miên, chẳng những bản hoặc vi-tế tùy tăng, mà cũng vượt trội thêm đối tượng theo đuổi của hạt giống.

Lại, tức bảy thứ với thứ khác làm nhân, nên gọi là chủng-tử.

Thường theo đuổi hành. Nghĩa là bảy tên gọi tùy miên, vì phương tiện tà hạnh nên gọi là ách. Như ách xe của thế gian, dùng ách để đuổi bò ra làm phương tiện xe, dẫn đường cho xe.

Ở đây, tùy miên này cũng. Tà hạnh của ba nghiệp như thể của chiếc xe; bốn ách “năng dẫn” dùng làm phương tiện. Ách tạo ra điều ác, không vượt khỏi con đường tà, có công năng dẫn đường cho việc ác nảy sinh, gọi là phương tiện tà hạnh. Vì khả năng gồm thâu sự nường tựa, nên gọi là “sở hữu”.

Luận Đối-Pháp nói: “Do gom góp, chất chứa nhiều của cải, vật dụng, thường tương ứng chung với nỗi sợ hãi, thù oán v.v...”

Luận kia nói có ngoài, ở đây nói sự nường, có công năng gồm thâu có thân được nường tựa bên trong và tứ cụ bên ngoài, phân biệt nghĩa rộng, hẹp cũng không trái nhau.

Trên đây là các giải thích về danh. Như quyển chín mươi tám và quyển thứ bảy Đối-pháp, hoặc có nhiều điểm bất đồng, vì e rườm rà

nên thôi.

Từ đây trở xuống, là nêu ra thể, kết là chín kiết, đó là ái; khổ; mạn; vô minh; kiết kiến; kiết-thủ; ba kiết: Nghi, tật, san là kiết kiến, đồng là giọng nữ. Hai thủ là kiết thủ, đồng là giọng nam.

Vì lỗi của keo kiệt, ganh tị trong các kinh quá nhiều, nên lập riêng kiết. Nghĩa là năng chiêu cảm sự nghèo, hèn, hai cõi, v.v... đấu tranh, loạn lạc.

Bảy tùy miên: đó là dục, tham, sân nhuế, hữu tham, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Chỉ bảy gọi là tùy-miên. Nghĩa là vì nghĩa tùy-tăng của phiền não căn-bản vượt hơn, nên tùy tăng này tức hiện khởi tham v.v...

Từ tên hạt giống phiền não kia tạo ra tùy miên, cũng có thể trong đây chỉ nói hạt giống “hoặc”, gọi là bảy tùy miên.

Tùy phiền não chỉ có ba. Nghĩa là vì y cứ ở điểm vượt hơn để nói, nên triển có tám. Quyển 89 chép: “Tất cả phiền-não do hiện hành, đều gọi là Triền. Nhưng có tám thứ.

Thường thường hiện hành trong bốn thời, nên lập riêng.

Đối với tu giới học, thường khởi vô tâm, vô quý làm che lấp.

Đối với tu giới học, thường khởi hôn trầm, thù miên làm che lấp.

Trong lúc tu tuệ học, thường khởi điệu cử, ác-tác, làm chướng ngại.

Nếu là người đồng pháp, khi lần lược thọ dụng tài, pháp, ganh ghét, keo kiệt gây chướng ngại.

Phần phú đối với bốn việc, không thể bị che lấp, nên không lập làm triền.

Dòng thác dục trong bốn bậc lưu, lấy Kiến đã khởi ở cõi Dục, trừ ngoại đạo, và “vô minh câu”(đều có vô minh), tất cả phiền não khác làm tánh.

Bậc lưu hữu, lấy kiến mà cõi Sắc, Vô Sắc đã khởi, trừ ngoại đạo, và vô minh câu, tất cả phiền-não khác làm tánh.

Bậc lưu kiến, lấy kiến mà ngoại đạo đã khởi trong ba cõi làm tánh.

Bậc lưu vô minh, lấy kiến tương ứng với vô minh, mà ngoại đạo đã khởi trong ba cõi làm tánh.

Luận Đối-Pháp chép: “Đầu tiên là tập dục cầu, thứ hai là tập hữu cầu. Hai việc sau là tà phạm hạnh cầu, vì đạo lý năng y, sở y, tương ứng.

Quyển thứ tám mươi chín đồng với ý lấy ba độc thêm riêng phiến não tăng hành để lập bốn lưu. Không lấy phần ba độc, v.v... và phiến não trong thân bạc trần hành giả. Như ách bực-lưu cũng thế, tức bốn lưu trước, ba độc thêm riêng phiến-não và phiếnnã của đẳng phần hành giả đều xếp vào bốn ách, chỉ trừ phiến não của bạc trần hành giả, chẳng phải ách.

Bốn thủ là tham, y cứ cảnh chia làm bốn. Cho nên, quyển mười chép: “Nghĩa là “duyên” các dục, bốn kiến giới cấm, Tát-ca-da-kiến mà khởi lên bốn tham.

Ngã-ngữ tức là ngã-kiến, chứng tỏ rằng, cái ngã mà ngã kiến kia chấp đều không có tự thể, chỉ có lời nói, nên gọi là “ngã ngữ”. “duyên” tham của ngã-ngữ, gọi là “ngã ngữ thủ”.

Thuyết trong luận Đối-Pháp nói: Dục, kiến, giới và ngã-ngữ là bốn thủ, nêu cảnh, thủ, tham là thể của bốn thủ

Thuyết tám mươi chín nói: “Dựa vào hai phẩm để lập ra hai thủ:

1/ Tại gia lập Dục-thủ.

2/ Xuất gia, ngoại đạo v.v... lập ba thủ còn lại.

Hoặc sở thủ; hoặc năng-thủ; hoặc sở-vi thủ, tất cả như thế, gọi chung là Thủ. Bốn thủ, gọi là sở-thủ (đối tượng chấp lấy). Chấp lấy bốn tham này, gọi là năng thủ (chủ thể chấp lấy). Vì được các dục và sự thọ dụng, khởi lên chấp thủ đầu tiên. Vì tham lợi dưỡng cung kính, nên bị vẩn hỏi, trách móc.

Người khác tránh khỏi sự vẩn hỏi của người khác, khởi lên thủ thứ hai.

Chấp lấy các thiên định làm đối tượng y-chỉ (sở y-chỉ), khởi lên thủ thứ ba.

Vì muốn phân biệt người làm, thọ quả, và vì tùy theo nói về tướng sĩ-phu của lưu-chuyển, hoàn-diệt, rồi khởi ngã-ngữ thủ. Như thế được gọi là thủ.

Một thủ đầu trong đây chỉ lệ thuộc cõi Dục; ba thủ sau, chung cho các cõi còn lại. trong bốn lệ thuộc (bốn trói buộc), thật chấp thủ này tức là kiến thủ, chấp pháp cho là chân thật.

Thuyết tám mươi chín chép: “Phải biết rằng, bốn trói buộc chỉ dựa vào điểm bất đồng của ngoại đạo để kiến lập.

Đối tượng trói buộc (sở hệ) có hai:

1) Tại gia bị trói buộc bởi định, ý, sinh thân, tham, sân.

2) Xuất gia bị trói buộc bởi định, ý, sinh thân, hai thủ giới, và kiến.

Các giới này vì che lấp tâm định, thân tự tánh, nên gọi là thân trói buộc, không phải che lấp sắc thân.

Hai thủ đầu chỉ có cõi Dục, hai thủ sau chung cho cả ba cõi. Hoặc đều là cõi Dục, vì bất thiện gia tăng.

Năm cái: quyển 89 chép: “Trái với năm chỗ, lập ra năm cái này:

1/ Địa-vị tại-gia bị cảnh dục làm trôi nổi, trái với thánh-giáo, nên lập cái tham-dục.

2/ Không thể chịu đựng đồng pháp đã can ngăn, trái với pháp đáng ưa, nên lập cái sân-khước.

3/ Vì trái với Xa-ma-tha, nên lập cái hôn-trầm, thù miên.

4/ Vì trái với Tỳ-bát-xá-gia, nên lập cái điều-cử, ố tác.

5/ Trái với vô đảo, quyết trạch v.v... của nghĩa luận, lập ra nghi cái.

Luận Đối-Pháp nói che lấp năm vị: Vị ưa thích xuất gia; vị giác tà hạnh; vị chỉ cử xả. (nói rộng như giải thích của luận đó).

Ba Bất thiện căn, Duy-thức nói có hai nghĩa:

1, Tánh phiền-não căn bản.

2, Vì khắp sáu thức.

Phiền-não khác không phải căn bất thiện, vì sinh ra điều ác vượt hơn, nên chỉ lập ba thứ này.

Về ba lậu, luận Đối-Pháp chép: “Dựa vào môn tuôn chảy của ngoại đạo để lập ra Dục lậu; dựa vào môn chảy rớt của nội đạo, để lập ra hữu lậu. Dựa vào hai môn chảy được nương tựa đó, để lập ra vô minh lậu.”

Ý của luận Đối-Pháp kia nhận định rõ ràng, tất cả phiền não của cõi Dục, trừ vô minh gọi là Dục-lậu. Tất cả phiền não của cõi Sắc, Vô Sắc, trừ vô minh, gọi là hữu lậu. Vô minh của ba cõi gọi là vô minh lậu. Nhưng bốn Đế cõi Dục, mỗi Đế đều có mười phiền-não, do tu dứt trừ có sáu. Năm môn của cõi Sắc, vô-sắc đều trừ sân. Tùy thuộc về phiền não thích hợp với các cõi đó và các “tùy hoặc” làm thể của lậu.

Số chủng của năm môn không đồng với Tiểu thừa. Quyển sáu mươi bốn chép: “Tất cả phiền-não của cõi Dục, trừ vọng kiến của các ngoại đạo, đều được dựa vào vô minh sinh ra, các phiền não còn lại gọi là Dục lậu. Tất cả phiền-não của cõi Sắc, vô-sắc, trừ vọng-kiến của các ngoại đạo, đều dựa vào vô minh sinh ra. Các phiền não còn lại, gọi là hữu lậu. Vọng kiến của ngoại đạo trong ba cõi, được dựa vào vô minh sinh ra, gọi là tà giải thoát.

Dục vô minh lậu, quyển tám mươi chín chép: “Về căn, dù có một

vài điểm khác nhau, nhưng vẫn đồng với luận Đối-Pháp. Ý của luận Đối-Pháp chép: “Tất cả vô minh đều gọi là vô-minh lậu, tương ứng với khởi riêng, vì vượt hơn nhiều lậu khác. Lậu khác có thể dựa vào “hoặc” để lập ra hai lậu khác, vì địa trên, dưới khác nhau.

Quyển sáu mươi bốn chép: “Phân biệt mà khởi vọng kiến là dựa vào vô minh sinh ra, gọi là tà giải thoát. Dục vô minh lậu, còn lại lập ra hai lậu khác, không nói tất cả si là vô minh lậu. Y cứ vào nghĩa đều khác, cũng không trái nhau, câu ngại cũng có ba, nghĩa là tham, sân, si. Do ba thứ này khởi lên năm câu-ngại, đồng với luận Đối-Pháp.

Dựa vào năm cảnh này sinh ra ba thứ như tham v.v..., vì câu-ngại ở tâm-luận Đối-Pháp gọi là tâm câu ngại.

Ngài Tam-Tạng nói: “Ba câu-ngại đầu, gọi là tham, câu-ngại thứ tư, gọi là sân, cũng gọi là tham. Vô minh chung cả năm.”

Pháp sư Cảnh nói: “Ba câu-ngại đầu là tánh tham; câu-ngại thứ tư, lấy vọng niệm làm tánh. Câu-ngại thứ năm lấy biếng nhác làm tánh.”

Nói về tai-hại lỗi lầm có hai mươi hai, có bản gọi là lỗi lầm.

Trong nghiệp tạp nhiễm thứ hai, trước nêu chín môn, sau dựa vào môn để giải thích.

Đầu tiên giải thích trong tự tánh:

- Nếu khi pháp sinh, tướng tạo tác khởi v.v... Trong đây, Pháp sư Cảnh có hai giải thích:

1. Tướng tạo tác khởi, nghĩa là nghiệp phương tiện. Và do sự sinh kia, nên thân hành, ngữ hành, sau khi sinh kia, tạo tác mà chuyển, đó là nghiệp căn bản.

2. Văn trước là biểu nghiệp; văn sau, là vô-biểu nghiệp. Nghiệp vô-biểu hay tạo lập, đương quả cũng gọi là tạo tác, không đồng với tác động của biểu nghiệp, gọi là tạo.

Luận sư Bị-Thái đồng nói: “Trước là tư-nghiệp, sau là thân ngữ, lập thành ba cách giải thích.”

Về sau, Cơ luận-sư thuật lại ba giải thích này rằng:

1- Trước là nghiệp gia hạnh, sau là nghiệp căn-bản, nghĩa là trước, chung cả ba nghiệp, hoặc chỉ ý nghiệp, sau, y cứ ở tính chất nặng, nên chỉ có thân-ngữ.

2- Trước là biểu-nghiệp, sau là vô-biểu nghiệp.

Biểu nghiệp đầu chung cả ba nghiệp.

Quyển năm mươi ba: “Ba nghiệp thân, ngữ, ý đều là hữu biểu, nghiệp sau là vô-biểu.”

Trong đây có thuyết nói: “Chỉ có hai nghiệp thân, ngữ là nghiệp

vô-biểu. Ở đây chỉ nói là vì sự sinh kia, nên thân-hành, ngữ-hành tạo tác mà chuyển ở thời sau kia. Ý-nghiệp thì nhẹ, vi tế, năm thức không phải sắc, đều không phát vô biểu.”

Có thuyết nói: “Ba nghiệp đều có vô biểu quyển năm mươi ba chếp: Thật hành mười nghiệp đạo thiện, vì thuộc về trăm hạnh, nên đều gọi là luật nghi.”

Vì trị phạt ý nặng hơn trong ba nghiệp trị phạt, vì ba nghiệp đạo của ý nặng hơn bảy nghiệp đạo trước, cũng có vô-biểu, về mặt lý đâu có sai trái.

Vô-biểu của ý nghiệp vì tùy nghiệp-đạo, nên chỉ có ba chi. Vô-biểu này dựa vào ba nghiệp, có cả hữu biểu, vô-biểu, chỉ nói về thân-ngữ, chứ không phải ngăn ngừa ý không có.

3/ “Trước là phát thân, ngữ, tư; sau là thân nghiệp, ngữ nghiệp. Nghĩa là vì nghiệp thân, ngữ phát thân, ngữ, tư mà sinh ra; vì hai tư xem xét, quyết định tương ứng với ý, vì ý tác động, gọi là ý nghiệp. Động phát tư tội hơn, phát ra thân ngữ, gọi là thân nghiệp ngữ nghiệp. Hành tư riêng kia cũng gọi là ý nghiệp. Hợp mười gọi là nghiệp đạo. Sắc thính trong năm cảnh, gọi là nghiệp.

Ba phi nghiệp: Nghĩa là không có biểu thị. Phẩm Thành Nghiệp v.v... của Thành-Duy-Thức chếp: “Có ba thứ tư. Mười thứ nghiệp đạo đều lấy tư làm tánh.”

Giải thích về biểu, vô-biểu của nghiệp thân, ngữ, ý, gọi là tư nghiệp. Tư duy nghiệp của mình, nghiệp đạo định, tán, vô-biểu, đại chủng tạo v.v..., về thời gian phát nghiệp lớn, nhỏ khác nhau. Như lý nên tư duy (sẽ phân biệt rộng trong quyển năm mươi chín, sáu mươi).

Hai biểu thân, ngữ do tương biểu thị thấy. Biểu Nghiệp về ý nghĩa là thấy tự chứng phần, chứng tự chứng phần, đều tự biểu thị lẫn nhau. (lại, như lý tư duy).

Trong phân-biệt nghiệp thứ hai có ba:

1/ Nêu.

2/ Hai hạt giống.

3/ Chỉ rõ hai, điểm khác nhau giữa hai thứ, sau, kết thành ba nghiệp.

Hai thứ đầu. Nghĩa là vì muốn nói về người khởi nghiệp, nên nói rằng do Bồ-đặc-già-la khác nhau chính là nói về thể của nghiệp, vì bất đồng, nên nói rằng do pháp khác nhau.

Lại hai, nghĩa là nói về pháp của người trước đều đi suốt qua mười ác, mười nghiệp đạo thiện.

Trong chỉ riêng lại có hai, trước là Bồ-đặc-gia-la; sau là pháp khác nhau.

Trong phần đầu lại có hai:

1. Bồ-đặc-gia-la của mười bất thiện đạo.

2. Nghiệp đạo thiện.

Sát sinh có ba:

1- Chỉ chung kính.

2- Nhắc lại giải thích riêng.

3- Về sau, kết nghĩa sơ lược.

Nhắc lại riêng, giải-thích chín trường hợp của kính, trừ trường hợp chung.

Thành nghiệp đạo rất ráo trong sát sanh. Nghĩa là người bị giết, mạng sống bị cắt đứt rồi mới thành, chớ không phải ngay khi chết, giết chết có cùng chết, chết trước và vì tự sát, thì không phải nghiệp đạo. Nếu không như thế, thì lẽ ra đều thành nghiệp đạo.

Trường hợp thứ ba. Hại, cực hại, chấp, kế đó có ba, nên giải thích riêng ba này:

Vì cắt đứt mạng kia, nghĩa là hại. Vì cắt ra từng chi tiết, nên nói là cực hại. Vì kể mạng sống, nên nói là chấp. Kể chấp sát sinh mà vì mạng sống. Có ngoại đạo xuất gia tên là Vô Hệ Đẳng, tức Ni-Kiền-Tử, chấp theo chỗ cư trú trong một trăm do-tuần nơi có chúng sinh làm việc, không sát, thành luật nghi, làm việc sát, thành bất luật nghi. Ngoài trăm do-tuần, nơi đó đều không thành.

Kinh vì loại trừ thuyết này, nên nói rằng: “Tất cả nơi chốn của hữu tình, không phải chỉ trong phạm vi trăm do-tuần, tức thì ngoại đạo kia lại nói rằng: “Người kia chẳng chấp cỏ, cây đều có mạng, hễ giết thì thành nghiệp-đạo.”

Vì để dứt trừ thuyết đó của ngoại đạo, nên Đức Phật nói rằng: “Nơi chúng sinh chân thật ở, việc sát cỏ, cây không phải nghiệp đạo.”

Đây là chỉ bày rõ ràng về chân thật, phước, đức, xa lìa đối-trị, v.v...

Luận sư Cảnh nói: “Ở đây nói lên phần lớn đối với tất cả chúng sinh khởi tâm cứu hộ, gọi là chân thật, phước đức là chủ thể đối-trị (năng đối trị) chân thật, phước đức, là viễn ly đối-trị. Và chỉ bày rõ ràng, không chân thật, phước đức đối trừ chấp kia, gọi là viễn ly đối-trị.

Không phải viễn ly đối trị, nghĩa là chúng sinh ở trong khoảng trăm do-tuần, khởi tâm cứu hộ, chẳng phải thật phước đức, là sở đối trị (đối tượng đối trị). Vật ngoại không có mạng, chúng sinh có mạng, gọi

là chân thật phước v.v...

Ngoại đạo chỉ cuộc hạn trong chu vi trăm do-tuần thành luật nghi, v.v... Và nói vật ngoại có mạng v.v..., gọi là không thật phước đức, v.v...

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Lời này ngụ ý nói vì giết hữu tình là tánh tội, nên cũng lấy giới tánh chân phước đức làm viễn ly đối trị.”

Luận Đối-Pháp chép: “Việc sát sinh, nghĩa là số hữu tình, nên ở đây, trước đã nói tất cả nơi chốn của tất cả hữu tình. Giết cỏ, cây v.v... là giá tội, cũng lấy giá giới không thật phước đức làm viễn ly đối-trị. Cho nên sau đây nói là chỗ ở của chúng sinh chân thật.

Các trường hợp đã nói như thế chỉ bày gia hạnh sát hại. Bấy trường hợp sau đây sẽ nói về sự bạo ác cùng cực:

Do khởi tâm ác, gia hạnh, gắng sức mạnh mẽ hành sát, nên gọi là gia hạnh sát hại như thế, chứ không phải gia hạnh nghiệp đạo. Cho đến thấp nhất là nhặt nhiều con kiến v.v... Xưa văn này nói: “Giết, chết, bẻ chân kiến không có tâm ăn năn, phải biết rằng người đó có thể cắt đứt căn lành.”

Ngài Tam-Tạng nói: “Câu nói này bao gồm hai nghĩa: Nếu gọi là bẻ gãy chân kiến thì sẽ không được trứng kiến. Ngược lại, nếu được trứng kiến thì không được bẻ gãy chân kiến. Vì muốn gồm thâu đủ cả hai nghĩa này, nên vẫn giữ nguyên âm Phạm.”

Một trường hợp này đủ phân biệt rõ là không lựa chọn sự giết hại, vì gặp sự sống, thì giết ngay không chọn lựa.

Một trường hợp sau cùng, gọi là thời gian sát sinh. Kết trong nghĩa sơ lược có ba lớp:

Lớp đầu nhiếp bốn thành chín, trong đó Luận sư Cảnh nói: “về tướng mạo sát sinh, đó là máu, bùn dính trên tay kẻ sát v.v...”

Tác dụng của sát sinh, nghĩa là hại, cực hại, chấp, v.v...

Tác dụng khác nhau giữa nhân-duyên sát sinh và việc sát sinh. Nghĩa là ở trước kia, có nhiều trường hợp không có sự hổ thẹn.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Về tướng mạo, là trường hợp thứ hai; máu, bùn dính tay người giết.”

Tác động rõ ràng: Trường hợp thứ ba: “Hại, cực hại, chấp.”

Về nhân duyên, trường hợp thứ nhất: “Tâm giết hại cực kỳ bạo ác, được thể hiện ngay trước mặt.”

Tác dụng của việc giết hại khác nhau. Nghĩa là sáu trường hợp sau:

1/ Không hổ thẹn.

2/ Không thương xót.

3/ Chỗ ở của tất cả hữu tình.

4/ Nơi cư trú của chúng sinh chân thật.

5/ Cho đến thấp nhất, chỗ của các chúng sinh, có tập hợp nhiều kiến v.v...

6/ Đối với việc sát sinh, nếu chưa xa là. Lại giải thích: “Về tướng mạo thì trường hợp thứ nhất; về tác dụng thì trường hợp hai, ba; về nhân-duyên thì trường hợp thứ tư, thứ năm; về tác dụng khác nhau của sự giết thì bốn trường hợp còn lại.”

Nay, lại giải thích: “Ba trường hợp đầu như thứ lớp, phối hợp, trường hợp thứ ba trong chín trường hợp. Tác dụng khác nhau của sự, thứ tư phối hợp với sáu trường hợp sau. Trường hợp thứ hai lại trong thứ lớp, Luận sư Cảnh nói: “Sự khác nhau giữa sát sinh và như thật sát sinh. Nghĩa là giết cỏ, cây v.v..., nên gọi là sự sống, chẳng phải thật giết. Nếu giết hữu tình, thì gọi là thật sát.”

Giết, đối tượng giết, sát sinh, gọi là kẻ sát sinh, nghĩa là chủ thể giết chúng sinh có mạng, gọi là kẻ sát sinh, thì đủ rõ giết cỏ, cây, v.v... không gọi là kẻ sát sinh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là nhiếp chín làm ba: Nói sát sinh như thật, thì trường hợp thứ nhất, sự khác nhau của sát sinh, thì bảy trường hợp kế. Chỗ sát, sát sinh, gọi là sát sinh là trường hợp thứ chín. Người chưa thọ giới, v.v... khởi việc thiện đến nay, hành động sát sinh, thường gọi là kẻ sát sinh. Sau khi thọ giới, không được tên gọi là đó.”

Nay, lại giải thích: “Sát sinh như thật, nghĩa là trường hợp thứ sáu, thứ bảy, nghĩa là tất cả chỗ hữu tình và chỗ chúng sinh chân thật.

Sự khác nhau của sát sinh. Nghĩa là năm câu trước, chỗ sát, người sát sinh là trường hợp thứ tám. Gọi là kẻ sát sinh, là một trường hợp sau cùng.

Trường hợp thứ ba, lại nữa, nhiếp chín thành một, gọi là chung là sát sinh Bồ-đặc già-la.

Trong không cho mà lấy có hai:

1. Giải thích văn kinh.

2. Tóm tắt nghĩa kết thành.

Trong phần trước, đầu tiên nêu trường hợp chung, kế là giải thích riêng mười bốn trường hợp.

Hoặc chứa nhóm, hoặc dời đổi. Những vật dụng bằng tiền, lúa v.v..., gọi là chứa nhóm bò, dê v.v..., gọi là dời đổi.

Chỗ ở vắng vẻ, hoặc sinh, nghĩa là lúa mạ, v.v..., hoặc tập hợp di

chuyển như trước. Hoặc chủ vật kia, không phải trước đã cho. Như cách trả nợ, chủ tài trước đây không để ý trả nợ, nên gọi là không cho.

Trường hợp kế không xả. Nghĩa là không khởi tâm cho, gọi là không xả, không bỏ rất dễ hiểu.

Thao-thiết. Nghĩa là tham của là thao, tham ăn là thiết. Trong khi biện luận, lý lẽ của người khác vượt trội hơn, không tự thanh tuyệt, gọi là không thanh thủ. Dù rằng cạnh tranh mà vẫn được của kia. Của ấy chẳng phải là vật của mình mà giành lấy, gọi là bất tịnh thủ.

Tóm tắt nghĩa có hai:

Trong phần trước Pháp sư Khuy Cơ có hai giải thích;

1/ “Kết hợp 14 trường hợp thành ba:

a) Do trộm vật này, nên thành không cho mà lấy, là sở hữu của người khác thuộc trường hợp đầu trước.

b) Hoặc ở chỗ này như sự khác nhau về trộm cướp như thật kia, có nghĩa là mười một trường hợp kế.

c) Vì trộm cướp, nên mắc phải lỗi này, là hai trường hợp thứ mười ba, mười bốn.

2/ “Là năm kết:

a) Do việc trộm này, nên kết trường hợp thứ năm, thứ sáu.

b) Hoặc ở chỗ này, kết bốn trường hợp đầu.

c) Như sự khác nhau của việc trộm kia, kết trường hợp thứ tám trở xuống, cho đến trường hợp thứ mười ba.

d) Như thật trộm cướp, kết trường hợp thứ bảy.

đ) Do trộm cướp nên mắc phải lỗi này, kết trường hợp thứ mười bốn

Nay, lại giải thích:

1/ Do trộm này, nên trở thành không cho mà lấy, tức là bốn trường hợp đầu.

2/ Nếu ở chỗ này, như trộm cướp như thật khác nhau kia, nghĩa là tám trường hợp kế.

Do cướp trộm nên mắc phải lỗi này, thì hai trường hợp sau cùng là một kết, như văn.

Nghiệp đạo rất ráo không cho mà lấy. Như Đối-Pháp nói: “Nói lấy làm cái mình có” trong dục tà hạnh, tán đầu, giải thích văn kinh, sau, kết tóm tắt nghĩa.

Trong phần trước, trước nêu trường hợp chung. Sau, giải thích riêng về mười trường hợp:

1/ Được cha mẹ, v.v... giữ gìn.

2/ Có tri, phạt.

3/ Có chương ngại. Đây là nói về ba cách giữ gìn người nữ.

4/ Thê, thiếp của người.

5/ Thuộc về người khác, mà chưa thích ứng với ba cách giữ gìn của người, đồng như trước.

6/ Hoặc do hành hung.

7/ Hoặc do sức cưỡng hiếp.

8/ Hoặc do âm thầm lén lút.

9/ Mà thực hiện việc hành dục.

Bốn trường hợp này đủ chứng tỏ xâm phạm sự gìn giữ của người.

10/ Dục tâm với dục hạnh thật là phi lý đối với việc này, đây là tự gây nên tội lỗi đối với thê thiếp của mình.

Phi đạo. Ở đây có ba nghĩa:

1) Không phải đường sở hành, nghĩa là chẳng phải sản môn, của chi phần, v.v...

2) Không phải số đạo vượt quá năm lượng

3) Phi lý nghĩa là như pháp thông thường, và tất cả người nam, bất nam.

Quyển năm mươi chín: “Phi xứ, phi lượng, phi thời và không hợp lý, nam và bất nam.

Phi xứ, nghĩa là đặt vào chỗ Phật, Pháp, Tăng; giường, chiếu của cha mẹ; chỗ đất không bằng phẳng, v.v..., nơi tăng-già-lam, v.v...

Phi thời: Thời gian người vợ đang bị bệnh, khi mang thai và cho con bú, v.v...

Nói về sáu việc mờ tối v.v... (rộng như quyển năm mươi chín có giải thích)

Nghiệp đạo của dục tà hạnh, rất ráo. Nghĩa là việc giao-hội thành.

Trong nghĩa tóm tắt, gồm có ba. Luận sư Cảnh nói: “Đối tượng hành dục kia, nghĩa là kết hợp ba cách gìn giữ của vợ người, người con gái ở chỗ trước. Là cảnh giữ gìn của người khác là đối tượng hành dục kia. Cho nên nói rằng: “Hoặc đối tượng hành dục kia.”

Sự khác nhau của hành dục. Nghĩa là kết hợp sự lén lút hành tà dục, sức cưỡng hiếp, hành hung ở trước.

Hoặc dục tà hạnh, nghĩa là kết hợp phi đạo, thời gian, vị trí của người vợ mình mà gây nên tội lỗi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói:

1. Nếu đối tượng hành dục kia thuộc sáu trường hợp trước thì cho

dù là chỗ được hành dục đi nữa, cũng thành tội.

2. Nếu sự hành dục khác nhau thuộc về ba trường hợp kế, thì đó là hành dục phi lý.

3. Nếu dục tà hạnh thuộc về hai trường hợp sau, thì thành nghiệp đạo. Sự này lấy riêng tự giữ gìn làm trường hợp thứ hai, cho nên, cộng thành mười một trường hợp.

Có chỗ nói là mười trường hợp, đã giải thích như trên.

Trường hợp riêng trong nói dối có mười:

Nếu đã biết, nghĩa là tùy thuộc vào lời nói đã trải qua ba chỗ trước, Luận sư Cảnh nói: “Tùy thuộc ba chỗ trước, có đối tượng thấy, nghe mà khởi nói dối.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là tùy thuộc vào ba điều nghe, hay, biết mà biểu hiện qua lời nói dối.

“Nếu đã thấy” trở xuống, là tự khởi riêng để nói, nên ở ba chỗ. Nhưng cái biết ở đây là do sự kết hợp mà biết, chớ không phải cái biết trong bốn, vì cái biết đó còn hạn chế, còn cái biết này thì rộng.

Sự rốt ráo của nghiệp đạo. Luận Đối-Pháp chép: Thời gian, chúng và đối với lời nói, nghĩa là lãnh hội, nhận hiểu.

Trong nghĩa tóm tắt có bốn:

1. Vì dựa vào nơi chốn, nên kết hợp với năm trường hợp đầu.
2. Vì thuyết khác, nên kết hợp với hai trường hợp kế.
3. Vì nhân-duyên, nên kết với hai trường hợp kế, nhân mình, nhân người.

4. Vì phá hoại tướng, nên kết hợp với một trường hợp sau.

Trường hợp riêng trong lời nói chia rẽ có bảy.

Bốn trường hợp phá hoại sự hòa hợp v.v... Cảnh Luận-sư nói: “Người phá hoại sự hòa hợp sau đây:

Người khác nghe giảng nói giáo lý, vui mừng xa cách. Theo dấu người xa cách, nghĩa là sợ e họ lại hòa hợp, nên tỏ vẻ xa cách đối với người kia là tốt.

Mừng vì phá hoại sự hòa hợp. Nghĩa là người kia đã có ý ly tán, tâm ưa thích nhiễm ô.

Ưa in dấu xa cách. Nghĩa là người hay phá hoại đối với người khác, trái với nỗi mừng về sau, mừng, vui in dấu xa cách, cho đó là tốt đẹp.”

Luận sư Thối nói: “Mừng vì xa cách, nghĩa là nói về lúc phá hoại phương tiện ngữ của người trước, có thể nảy sinh phá ngữ, nghĩa là bảo người khác xa cách nỗi mừng.

Tùy theo dấu vết xa cách. Nghĩa là mừng khi phân biệt về cảnh biệt ly của người càng vui mừng thêm.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trường hợp thứ ba, dù tỏ vẻ vui mừng, nhưng chưa sinh phiền não. Trường hợp năm đối với trường hợp thứ ba; trường hợp sáu đối với trường hợp thứ tư, hai trường hợp này mới có phiền não sinh.

Trường hợp thứ bảy, nói người hay nói lời chia rẽ, nghĩa là hoặc không nghe, hoặc vì phương tiện của người khác.

Luận sư Cảnh nói: “Chính khi nói lời chia rẽ, hoặc người kia không nghe mà không phá hoại, hoặc dù người khác nghe là dùng Trí phương tiện quát-sát lời người kia nói, như phá hoại nhau mà vẫn không cách ly, cho nên nói rằng hoặc người khác không nghe, hoặc phương tiện của người khác, đều trở thành chia rẽ.

Thập-địa chép: “Người kia dù không chia rẽ mà gọi là nói lười hai chiều. Như người kia không nào cũng gọi là ác khẩu.”

Luận-sư Bị nói hai giải thích:”

1. Người bị phá đôi khi vì ở xa, nên không nghe lời nói chia rẽ, hoặc dù ở xa mà vẫn sai người khác tìm hiểu, nên tìm cách bảo người chuyển lời lại.

2. Đối với người khác không nghe, có riêng người bên cạnh chuyển lời cho người trước, chớ không phải chỉ phá người mà thành nghiệp đạo. Người bên cạnh chuyển lời, cũng gọi là lời nói gián cách. Nói phương-tiện của người khác là ý ở đây.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Nghĩa là lúc nói chuyện, người khác hoàn toàn không nghe, lắm lúc dù họ có nghe, mà lại tìm cách chối bỏ lời chia rẽ kia.”

Trên đây là giải thích về nói lời chia rẽ trong kinh, chứ không phải chính giải thích về nghiệp đạo.

Luận Đối-Pháp nói về sự rốt ráo. Nghĩa là đối tượng phá đã nhận hiểu cách thức (phương tiện) trong đây. Vì người khác nhận hiểu, nên có thể là nghiệp đạo, vì người khác không nghe, nên chỉ là nghiệp đạo gia-hạnh. Do đó, thông qua việc giải thích kinh, cũng không có lỗi.

Phương tiện của người khác: Nghĩa là bảo người khác nói lời phương tiện chia rẽ, người khác chưa nhận hiểu và người khác không nghe, cả hai người này đều là nghiệp đạo gia-hạnh. Nhân giải thích văn kinh cũng không phải chính giải thích về nghiệp đạo.

Hoặc có nghĩa nói: “Chỉ nơi lời chia rẽ, nếu người khác không nghe và người khác có cách không tiếp nhận, đều là nghiệp đạo. Điều

này trái với quyết trạch quyển 60 đã nói.

Rốt ráo ở đây nghĩa là đối tượng phá nhận lãnh, cho nên, thuyết trước là hay.

Trong phân kết có năm trường hợp:

- 1, Ưu thích chia rẽ, là kết trường hợp đầu.
- 2, Phương-tiện chưa hoại, là kết trường hợp hai.
- 3, Phương tiện đã phá hoại, là kết trường hợp thứ ba, thứ tư.
- 4, Tâm nhiệm-ô, là kết trường hợp năm, sáu.
- 5, Phương tiện của người khác, là kết trường hợp thứ bảy.

Trong lời nói thô ác: là Giải thích rải rác văn kinh, mười hai trường hợp đầu, nói về ngữ mâu-nhiệm trước, là nói về ngữ thô ác.

Mười hai trường hợp là: lời không có nhiều động, lời nói vui tai, lời nói hài lòng, lời nói đáng yêu, lời nói đứng hàng đầu; lời nói, tốt đẹp; lời nói rõ ràng; lời nói dễ hiểu, lời nói có thể ban cho công lao.

Lời nói không có chỗ nương tựa; lời nói quấy có thể nhàm, trái; lời nói vô biên, vô tận.

Kế là gồm thâu mười hai thành ba:

- 1- Thi-la ngữ: Nghĩa là một ngữ đầu;
- 2- Hoan hỷ ngữ: Nghĩa là ba ngữ kế.
- 3- Thuyết pháp ngữ: Nghĩa là tám ngữ sau, tức sau cùng ngữ này

lại có ba thứ:

1) Sở thú viên mãn ngữ: Nghĩa là một ngữ đầu, tức ngữ đứng ở trước hết

2) Văn từ viên mãn ngữ: Hai ngữ kế, nghĩa là ngữ mâu-nhiệm tốt đẹp, ngữ rõ ràng.

3) Phương tiện viên mãn ngữ: Là năm thứ còn lại.

“Lại nữa ở thời vị lai v.v...” trở xuống, tức mười hai thứ ngữ trên, thể theo thế gian phân biệt lại có ba thứ, nghĩa là mười hai ngữ mâu nhiệm mà Chư Phật vị lai sẽ nói, gọi là khả ái ngữ. Chư Phật quá khứ từng nói, gọi là khả lạc ngữ, Chư Phật hiện tại đang nói và chính thức lãnh thọ sinh ái lạc cho người khác, được mang tên là ngữ khả hân (ngữ đáng ưa), ngữ vừa ý. Nên biết tức đẳng hoan-hỷ ngữ, gọi là lời nói mà vô lượng chúng sinh yêu, đáng mến thích, vừa ý, tức đẳng hoan-hỷ ngữ thứ hai trong ba ngữ trước. Trong kinh ấy gọi là ngữ vô lượng chúng sinh yêu mến, v.v...

Ngôn, tức là lời nói pháp, gọi là Tam-ma-hê-đa-ngữ, tức là ngữ thuyết pháp thứ ba trong ba ngữ trước.

Trong kinh ấy gọi là Tam-ma-hê-đa-ngữ, tức là ngữ thuộc chi thi-

la, gọi là do vô hối, v.v... lần lượt dẫn sinh ra Tam-ma-địa-ngữ.

Từ trên đến đây, nói về ngữ mẫu-nhiệm.

Sau đây nói về ngữ thô ác:

Nói ngữ sâu độc, ngữ thô lỗ trong đây. Nghĩa là trong lời nói thô ác này cũng có rất nhiều, nghĩa là lời nói sâu độc; lời nói thô lỗ. Ngoài ra những lời nói thô ác trái với phẩm Bạch ở trước, nên biết: Theo thứ lớp trái với ngữ trước, gọi là ngữ khuấy động, ngữ không vui tai, v.v...

Cho nên lời nói thô có mười bốn trường hợp. Do nói về ngữ mẫu-nhiệm được giải thích, đều có kết cong vậy, nên không có nghĩa sơ lược.

Mười hai trường hợp riêng trong lời nói thù dật:

Năm trường hợp đầu, gọi là lời nói tà nêu tội, đây là trái với năm đức nêu tội mà luật nói, rất dễ hiểu.

Sau trường hợp kế, gọi là ngữ tà thuyết pháp; một trường hợp sau, gọi là ngữ phóng dật.

Kết tóm tắt về lời nói thù dật trong ba thời: Lời nói thô ác trước và lời nói thù dật ở sau.

Rốt ráo. Nghĩa là phát ra lời nói thù dật kia, tức hai thứ này trong tham dục, gọi là chung là vật, nghĩa là tài vật và công cụ. Rốt ráo này: Nghĩa là thông thường sở hữu của người kia nhất định sẽ thuộc về ta, do giữ lấy tính tham vật v.v... của mình, dù có tham nhiễm, nhưng vì không phải tăng thượng, nên chẳng phải tham đạo.

Tự tánh trong nghĩa sơ lược, nghĩa là trường hợp đầu. sở duyên (đối tượng duyên) nghĩa là hai trường hợp kế, một trường hợp sau cùng của hành tướng trong sân-nhuế.

Luận sư Cảnh giải thích: “Trường hợp riêng có ba: Trường hợp đầu là tự tánh sân. Sẽ giết, sẽ hại: Nghĩa là đối tượng duyên của sân. Sẽ làm cho người kia suy đồi, hao hụt; sẽ tự gánh lấy mọi nỗi lo lắng, náo nức, đây là hành tướng của sân. Về nghĩa sơ lược như tham.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Trường hợp riêng có năm: Trường hợp đầu là tự tánh sân; bốn trường hợp còn lại là đối tượng duyên của sân, không có hành tướng, nhưng vì đối tượng tham phần nhiều bằng nhau, nên nói rằng, nghĩa giản lược như trước, chủ yếu là đối với hữu tình, mới thành nghiệp đạo, phi-tình thì nhẹ.

Rốt ráo nghĩa là quyết định sẽ hại, trong tà-kiến có hai:

1/ Giải thích văn kinh.

2/ Kết nghĩa giản lược.

Trong phần trước, trước là nêu trường hợp chung, kế là chỉ rõ

mười bảy trường hợp riêng. Nghĩa là do ba thứ ý ưa thích, vì chẳng bác bỏ sự thí cho:

1/ Do chấp mắc của cải, với ý ưa thích nên nói là không có thí cho.

2/ Do kiến thủ chấp lấy đoạn kiến, tà-kiến kia. Tà-kiến vì được tịnh ý ưa thích, nên khởi tà-kiến, mạn, không có yêu thích, phụng dưỡng, bố thí.

3/ Chấp thờ lửa, tế trời, cho là ý ưa thích rất ráo (ý lạc rất ráo). Chê bai không có tự tế, thờ tự, bố thí, không có chủ thể trị trong diệu hạnh, ác hạnh, nghĩa là sự phước nghiệp.

Ba thứ keo kiệt, phạm giới, tán loạn, gọi là đối tượng bị dứt trừ.

Chẳng phải bác bỏ duyên y xứ của lưu chuyển. Nghĩa là bốn họ Sát-đế-lợi của đời trước làm duyên lưu chuyển cho Sát-đế-lợi của đời này. Đời này lại làm duyên lưu chuyển cho đời sau, chê bai không có bốn dòng họ v.v... của đời này, đời khác làm duyên y xứ cho lưu chuyển. Cho nên nói không có đời này.

Trong bác bỏ không có cha mẹ. Mẹ là duyên nương gá, cha là duyên chủng-tử.

Đã đi đến đều là phiền não riêng, vì rất lặng lẽ, nên gọi là chánh chí, nghĩa là Niết-bàn.

Chánh hạnh, nghĩa là Đạo đế, trong nhân hữu học, gọi là thế gian này. Lúc ở quả Vô học, gọi là Thế gian kia. Vì tự công việc mà sĩ phu đã làm, nên gọi là tự nhiên, nghĩa là A-la-hán do tự công sức của sĩ phu mà được quả Vô học này, nên gọi là tự nhiên.

Không tuệ: là thứ sáu, là lậu tận thông.

Trên đây là bác bỏ không có pháp chân A-la-hán. Dưới đây lại nói bác bỏ không có kiến, tu vô học đạo. Về nghĩa lược có hai:

1/ Trong trường hợp thứ nhất, không kết hai trường hợp đầu: Chê bai nhân, nghĩa là không có thí cho v.v... và không có diệu hạnh, ác hạnh. Chê quả, rất dễ hiểu.

2/ Trong chê bai công dụng có bốn:

a- Thế gieo trồng: là không có cha.

b- Nhậm trì: là không có mẹ.

c- Qua lại: là không có đời khác.

d- Cảm sinh nghiệp.

Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là chê bai không có Vô tướng, Vô Sắc, cảm công dụng của sinh ra nghiệp.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Không có hữu tình hóa sinh tức Trung

hữu.”

Quyển thứ ở trước nói không có hữu tình hóa sinh, là không thể được thấy tướng sinh, tử, hoặc sinh lên Vô Sắc; hoặc vào Niết-bàn, tức bác là không có, gọi là không có hóa sinh.

Luận kia y cứ sinh hữu, luận này y cứ Trung hữu. Vì đối tượng so sánh, nên cũng không trái nhau.

Nghiệp, nghĩa là công dụng. Trung hữu có thể chuyển thức đến sinh hữu ở tương lai, nên gọi là cảm nghiệp sinh.

A-la-hán trở xuống đều là sự thật, duyên lưu chuyển trong nghĩa giản lược thứ hai, nghĩa là không có sĩ phu lưu chuyển đời này, đời khác, không có mẹ, không có cha. Nghĩa là không có hữu tình hóa sinh.

Trong vấn đề này, Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Trung hữu, sinh hữu, gọi là chung là Sĩ phu. Không có A-la-hán, v.v... Gọi là chê bai đối-trị, hoàn diệt.

Lại, bài báng lưu chuyển, nên biết rằng chê bai nhân, không chê bai tự tướng. Nghĩa là giải thích về lưu chuyển trong kết thứ hai, ý nói không chê bai tự thể không có thế gian, cha mẹ chỉ chê bai không có nghĩa của nhân từ nơi này đến nơi khác. Cha mẹ, v.v... là nghĩa của nhân, của chủ thể nhậm trì. Chê bai hoàn-diệt cũng là chê bai công đức của Diệt, Đạo, không chê bai người này.

Rốt ráo này, nghĩa là quyết định chẳng phải chê bai.

Trong mười thiện nghiệp đạo, trước là nêu chung, trái với mười điều ác ở trước, rất dễ hiểu chỉ nói về điểm bất đồng. Nhưng phân biệt rõ ràng giữa hai nghiệp đạo ly khai tà-dục và lìa nơi đối, trái với dục tà hạnh.

Vì suốt đời tu hành, vì tu hành lâu xa. Nghĩa là đầu tiên là giới Thanh-văn, sau là giới Bồ-tát. Vì chỗ tranh luận trong trắng như tuyết, gọi là “Thanh” v.v... Thật chất không có trái phạm, gọi là “Tịnh”.

Dưới đây dù nêu bốn trường hợp, nhưng chỉ lấy quan-điểm đều cùng có: vừa thanh, vừa tịnh, gọi là tín thanh tịnh của A-la-hán.

“Không do ái nhiễm” trở xuống là bốn trường hợp giải-thích chánh hạnh thanh-tịnh. Phải biết rằng, nghĩa giản lược tức là trong đây, là trong ba thanh-tịnh, trong trái với có thể kiến lập nói đối, nghĩa là đối với A-la-hán kia, trái với sự tranh cãi kia, nên có thể kiến lập là bậc chánh chứng, nghĩa là không có bè đảng riêng. Vì sâu sắc đáng tin, nên có thể kiến lập là người chứng lý. Trong ba nhiếp thọ thì:

1, Dục, thắng-giải, trước là đáng tin, đáng gửi gắm, vì quyết định ý lạc.

2, Bảo hộ, gánh vác thì nên kiến lập vì đáng gửi gắm, đáng tin cậy.

3, Tác dụng, thì không có giả dối, lừa đảo, tức là khởi tác dụng chân thật.

Trong sự khác nhau của pháp tướng, trước là nêu, sau, giải-thích. trong giải thích, đầu tiên là bất thiện, sau là thiện. Luận sư Cảnh nói: “Trong văn đối với chúng sinh khác. Khác là phân biệt với tự sát, không thành nghiệp đạo.

Chúng sinh: là phân biệt với giết cỏ, cây, không thành nghiệp đạo.

Dục lạc: là cố khởi tâm sát, phân biệt với giết lầm.

Khởi tâm nhiễm. Nghĩa là phân biệt với Bồ-tát, vì đại bi hành sát, chứ không có tâm nhiễm, cũng không phải nghiệp đạo v.v... Cho đến trở xuống, đều nói là khởi tâm nhiễm, đều phân biệt với Bồ-tát. Bồ-tát vì đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên thị hiện thực hành đủ mười điều ác, nhưng không phải nhiễm ô.

Pháp sư Khuy Cơ lại giải-thích: “Quyển năm mươi chín chép: mười nẻo nghiệp đạo ác có năm tướng khác nhau:

1, Sự. 2, Tướng, luận Đối-Pháp nói là gia-hạnh. 3, Dục lạc. 4, Phiền não. 5, Cứu cánh.

Sát sinh v.v... như thế đối với chúng sinh khác, gọi là Sự, vì tự sát và sát phi tình không phải nghiệp-đạo. Người khởi sát vì dục lạc, gọi là tướng, vì khởi tướng hại chúng sinh, có thể sinh tướng dục lạc từ quả gọi là _ Người khởi tâm nhiễm ô, gọi là dục lạc. Vì dựa vào tướng này, nên tâm nghĩ rằng: “Ta sẽ hai chúng sinh vì khởi dục lạc.”

Khởi phương tiện sát, gọi là phiền não, vì tham, sân, si là phương tiện.

Trong sát cứu cánh nói rằng: “Tất cả thân-nghiệp, gọi là cứu cánh. Hoặc không có gián cách; hoặc thời gian sau chết; hoặc trong bốn thứ này: 1. Sự. 2. Dục lạc. 3. Phiền não. 4. Phương tiện, là tướng, Luận Đối-Pháp nói là gia hạnh.

Tướng thứ năm là cứu cánh (rốt ráo), hoặc phương tiện: Nghĩa là nghiệp đạo gia hạnh.

Giản lược không có tướng kia. Nhân tiện nói là phương tiện, phương tiện chẳng phải nghiệp đạo. Chín nghiệp khác y theo đây nên biết.

Chứng ngụy trong nói dối. Nghĩa là chứng giả dối trong thấy, nghe, hay, biết là không thấy v.v...

Trong nghiệp đạo của lời nói thô ác, nghĩa là đối với hữu tình khác. Ở đây y cứ ở lời nói tăng thượng thù thắng. Luận Đối-pháp v.v... nói là chỉ nói ra lời ác, là thành nghiệp đạo. Hoặc đối với hữu tình, mới thành nghiệp đạo, phi tình không đối đều chẳng thành nghiệp đạo.

Quyển sáu mươi chép: “Nghiệp-đạo của lời nói thô khởi ở chỗ hữu tình.” Văn luận này cũng nói là “đối với hữu tình”. Nhưng quyển năm mươi chín và Đối-pháp nói là lời nói nhiễm thô ác, mới thoát ra sự thóa mạ, chê bai. cho nên nói phát ngôn, gọi là rớt ráo, chớ chẳng phải đều là nghiệp đạo.

Trong lời nói thù dật, không nói là cảnh. Nghĩa là độc đầu ý ngữ chỉ nói ra thì thuộc về nghiệp-đạo, vì hợp với ngữ khác cũng có cảnh. Ba nghiệp đạo sau không đồng với tiểu luận nói không có phương tiện, vì nếu khởi hiện tiền thì là căn bản.

Quyển sáu mươi chép: “Ba thứ: Sát sinh, ngữ thô, sân nhuế. Tham, sân, si là gia-hạnh, sân là rớt ráo.

Không cho mà lấy. Ba thứ: dục, tà hạnh, tham dục, là gia hạnh, tham là rớt ráo.

Ba thứ: Nói dối, chia rẽ, thù dật, ba là gia hạnh, ba là rớt ráo, tà kiến thì ba là gia hạnh; si là rớt ráo.

Lại nữa sát sinh, tà hạnh, nói dối, chia rẽ, nói thô, sân nhuế, sáu nghiệp đạo này khởi lên đối với hữu tình.

Không cho mà lấy và tham dục, khởi từ chỗ của cải. Hữu tình và vật đều là tư tài.

Nghiệp đạo nói thù dật, gọi là chỗ thân khởi. Nghiệp đạo tà-kiến khởi từ chỗ các hành, vì chê bai vô-vi, không gần gũi, chấp mắc.

Trong mười nghiệp đạo thiện, mỗi nghiệp đạo đều có năm duyên, như lý nên biết.

Kết dưới thành ba nghiệp, như văn.

Trong mười hai thứ nghiệp nhân của đoạn lớn thứ ba, ba thứ đầu là tướng bất thiện; bốn thứ do sức của mình, năm là do sức người khác, sáu là do bị vua v.v... Xua đuổi ép ngặt, bảy là đã được vật của mình, mà còn sinh tham dục, v.v... Vì trước kia, tham vật của người, giờ đây yêu của mình, v.v..., nên thành khác nhau. Tám là người vì sợ hãi mà làm nghiệp sát, v.v..., như vì sợ người khác mà hành sát, v.v... chín là bị tổn hại, như loài chuột gây tổn thất vật, v.v... mười là vì đùa giỡn, vui chơi, nên làm việc sát, v.v... mười một là tưởng pháp, làm đạo lý. Như chấp rằng, giết hại chúng sinh cho là chánh pháp, v.v... mười hai là Tà-kiến, vì bác bỏ không có nhân quả.

Đã nói nghiệp nhân ác, nghiệp nhân thiện, trái với ở đây nên có thể biết.

Trong giai đoạn nghiệp thứ tư, do duyên bất thiện, nên đọa vào loài bàng sinh, v.v...

Kinh Thập-Địa nói: “Súc sinh phẩm trung sinh; đọa phẩm hạ trong ngạ quỷ”, không đồng với luận này.

Quỷ có hai thứ: 1/ Phước đức. 2/ Quỷ phước mỏng. ở đây y cứ loài bạc phước, nên thuộc phẩm trung. Vì luận kia y cứ phước đức, nên thuộc phẩm hạ, cũng không trái nhau.

Hiện tại khởi, gọi là nghiệp của giai đoạn sinh. Nghiệp đã từng gây tạo trong quá khứ, đã sinh, đã diệt, chỉ có hạt giống nghiệp, gọi là nghiệp ở giai đoạn tập khí.

Du-già Luận Ký quyển hai (Phần cuối hết).

